

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2017/HSPT
Ngày 13-7-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Văn Công Dân.
2. Ông Doãn Đình Quyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 168/2017/HSPT ngày 29-5-2017 đối với bị cáo Hàng Nguyên T, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Vũ Thị L, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 21-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hàng Nguyên T (tên gọi khác: T cá), sinh năm: 1988 tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Khối A, thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Hàng Th và bà Nguyễn Thị Xuân H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 29-11-2016 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Vũ Thị L, sinh năm: 1981 tại huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông;

trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Vũ Đức R và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có 01 con sinh năm 2001; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29-11-2016, đến ngày 27-4-2017 thì bị cáo chết.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 29-11-2016, Nguyễn Thanh B (sinh năm 1986, trú tại thôn D, xã E, huyện E) đi đến phòng trọ của Vũ Thị L ở thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk gặp L và đưa cho L 950.000 đồng để mua ma túy đá về sử dụng. L nhận tiền của B rồi gọi điện thoại cho Hàng Nguyên T hỏi mua ma túy để bán lại cho B, T đồng ý bán và hẹn L đến phía sau nhà T ở khối A, thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để giao ma túy và nhận tiền. Sau đó, L đi đến địa điểm đã hẹn gặp T và đưa cho T 750.000 đồng, T đưa cho L gói ma túy đá. Sau đó L trở về lại phòng trọ của mình giao ma túy cho B. B nhận 02 gói ma túy và xin L cho sử dụng ma túy tại phòng trọ của L, thì L đồng ý. Lúc này, có Trần Đình Q đang ngồi chơi tại phòng trọ của L, Q lấy trong người ra một ống thủy tinh gắn vào vỏ nhựa chai nước ngọt làm một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và xin B sử dụng ma túy cùng, B đồng ý và lấy 01 gói ma túy đá ra rồi cùng với Q sử dụng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, trong lúc B và Q đang sử dụng ma túy tại phòng trọ của L thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Trước khi bị bắt quả tang, L có điện thoại cho T hỏi mua 10 gói ma túy đá, T đồng ý bán và hẹn lên xã E để giao nhận ma túy. T lấy 04 gói ma túy đá bỏ vào túi xách của HM (sinh năm 1994, trú tại buôn S, xã E, huyện E) là bạn của T và đang ở chơi tại nhà T, nhưng chị HM không biết đó là ma túy. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 47F2-2563 chở HM mang theo túi xách đựng 04 gói ma túy đá đi lên xã E để giao cho L. Đến khoảng 15 giờ 10 phút ngày 29-11-2016, khi T chở HM đi đến đoạn đường thuộc thôn G, xã E thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar phát hiện, bắt giữ cùng tang vật.

Tiến hành khám xét nơi ở của Hàng Nguyên T, Cơ quan điều tra còn phát hiện và thu giữ 01 gói chất rắn màu trắng dạng tinh thể, bọc trong gói nhựa màu trắng (T khai nhận đó là ma túy đá mua về để sử dụng và chia nhỏ để bán cho người khác kiếm lời).

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, Cơ quan điều tra còn làm rõ ngoài lần mua bán ma túy trên, thì vào khoảng cuối tháng 10-2016 và giữa tháng 11-2016, Hàng Nguyên T đã 02 lần bán ma túy cho Vũ Thị L tại nhà của T ở khối A, thị trấn K, mỗi lần T bán cho L 01 gói ma túy đá với giá 400.000 đồng. L mua số ma túy này

cho đối tượng tên I (không rõ nhân thân lai lịch). Ngoài ra, T còn khai nhận trước đây đã bán ma túy cho người khác một hoặc hai lần, mỗi lần bán được 200.000 đồng, nhưng không nhớ cụ thể bán cho ai, vào thời gian nào. Toàn bộ số ma túy trên, T mua của một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Tại các Bản kết luận giám định số 733/GĐMT-PC54 và 734/GĐMT-PC54 ngày 06-12-2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận:

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nhựa màu trắng (thu giữ tại phòng trọ của Nguyễn Thị L) có khối lượng: 0,0744gam. Chất gửi giám định có ma túy, loại ma túy là Methamphetamine.

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đựng trong 04 gói nhựa màu trắng (thu giữ trong túi xách màu đen khi bắt quả tang Hàng Nguyễn T) có khối lượng: 0,4085gam. Chất gửi giám định có ma túy, loại ma túy là Methamphetamine.

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nhựa màu trắng (thu giữ khi khám xét tại nơi ở của Hàng Nguyễn T) có khối lượng: 0,3973gam. Chất gửi giám định có ma túy, loại ma túy là Methamphetamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST, ngày 21-4-2017 của Toà án nhân dân huyện EaKar đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Hàng Nguyễn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Vũ Thị L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Hàng Nguyễn T 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29-11-2016.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị L 06 (sáu) năm tù. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 198; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị L 07 (bảy) năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội danh buộc bị cáo Vũ Thị L phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 13 (mười ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29-11-2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24-4-2017, bị cáo Hàng Nguyễn T và bị cáo Vũ Thị L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Theo Giấy báo tử ngày 27-4-2017 của Bệnh viện đa khoa huyện E, tỉnh Đắk Lắk và Công văn số 439/CAH-TH ngày 27-4-2017 về Báo cáo vụ việc của Công an huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk cung cấp, thì bị cáo Vũ Thị L đã chết vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 27-4-2017, không rõ nguyên nhân.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hàng Nguyên T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hàng Nguyên T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự và xét xử bị cáo Vũ Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự và tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự là đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về mức hình phạt 08 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Hàng Nguyên T là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, do đó kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hàng Nguyên T và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với bị cáo Vũ Thị L, do bị cáo đã chết trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7 Điều 107, điểm d khoản 2 Điều 248 và Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy quyết định của bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Vũ Thị L. Về vật chứng, bản án sơ thẩm tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 máy tính bảng hiệu CINK màu trắng đã qua sử dụng và số tiền 200.000 đồng, đây là tài sản và tiền do Vũ Thị L thu lợi bất chính từ việc bán ma túy, là đúng quy định của pháp luật, do đó đề nghị giữ nguyên quyết định này của bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Hàng Nguyên T không có ý kiến tranh luận bào chữa gì. Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai của bị cáo Hàng Nguyên T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10-2016 đến ngày 29-11-2016, bị cáo Hàng Nguyên T đã 03 lần bán ma túy cho bị cáo Vũ Thị L được số tiền là 1.150.000 đồng, đến lần thứ 4 (khoảng 15 giờ 10 phút ngày 29-11-2016), khi T

đang trên đường mang ma túy để bán cho L thì bị bắt quả tang. Đối với bị cáo Vũ Thị L, các lần mua ma túy của T, L đã bán lại các đối tượng nghiện ma túy sử dụng, đồng thời vào trưa ngày 29-11-2016, sau khi bán ma túy cho Nguyễn Thanh B, thì L đã cho B và Trần Đình Q sử dụng ma túy ngay tại nhà trọ của mình. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hàng Nguyên T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự và xét xử bị cáo Vũ Thị L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 và điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật hình sự, là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt 08 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Hàng Nguyên T là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và đã xem xét, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt là phù hợp.

[3] Đối với bị cáo Vũ Thị L, sau khi có đơn kháng cáo thì bị cáo đã chết, Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị cáo đã chết trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, do đó cần áp dụng khoản 7 Điều 107, điểm d khoản 2 Điều 248 và Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Vũ Thị L, là phù hợp.

[4] Về vật chứng: Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 máy tính bảng hiệu CINK màu trắng đã qua sử dụng và số tiền 200.000 đồng, là tài sản và tiền do Vũ Thị L thu lợi bất chính từ việc bán ma túy. Xét thấy, quyết định của bản án sơ thẩm về tịch thu vật và tài sản liên quan đến tội phạm đối với bị cáo Vũ Thị L là đúng quy định của pháp luật, do đó cần giữ nguyên quyết định này của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Hàng Nguyên T phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Không chấp nhận kháng

cáo của bị cáo Hàng Nguyên T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Xử phạt bị cáo: Hàng Nguyên T 08 (tám) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29-11-2016.

[2] Căn cứ khoản 7 Điều 107; điểm d khoản 2 Điều 248 và Điều 251 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST, ngày 21-4-2017 của Toà án nhân dân huyện EaKar và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Vũ Thị L.

[3] Về vật chứng: Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tịch thu vật và tài sản liên quan đến tội phạm đối với bị cáo Vũ Thị L. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 máy tính bảng hiệu CINK màu trắng đã qua sử dụng và số tiền 200.000 đồng, là tài sản và tiền do Vũ Thị L thu lợi bất chính từ việc bán ma túy.

[4] Về án phí: Bị cáo Hàng Nguyên T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- Cục T.H.A DS tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A HS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện EaKar;
- VKSND huyện EaKar;
- Công an huyện EaKar;
- Chi cục T.H.A DS EaKar;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an huyện EaKar;
- Cổng thông tin điện tử Toà án;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Công Bình